

Bản án số: 64/2018/HSST
Ngày 27 - 7 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Luật.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Phú Nhuận.

Ông Phạm Hồng Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Hương Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2018/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39.2/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/Lục Văn M; sinh năm: 1995 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: đường S, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: làm công; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Văn L và bà: Lục Thị L; có vợ: Mai Thị Ngọc D và 01 con (sinh năm 2017); tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tốt; bị cáo đang tại ngoại.

2/Nguyễn Văn H (tên gọi khác: B); sinh năm: 1985 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký HKTT: đường Đ, Phường S, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: đường K, phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: chạy xe ôm; trình độ học vấn: (không biết chữ); dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Võ Văn S (chết) và bà: Nguyễn Thị G; có vợ: Phạm Thị N và 01 con (sinh năm 2012); tiền án: 02 (ngày 05/3/2013 bị Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” tại bản án số 27/2013/HSST; ngày 17/4/2013 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội

“Cướp giật tài sản” tại bản án số 130/2013/HSST); tiền sự: không; nhân thân: /; bị bắt giữ ngày: 06/6/2017; bị tạm giữ ngày: 06/6/2017; bị tạm giam ngày: 13/6/2017.

3/Trần Thế A; sinh năm: 1982 tại Tiền Giang; Nơi đăng ký HKTT: ấp L, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: đường C, Phường S, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: giao hàng; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn T và bà: Phạm Thị L; có vợ: Nguyễn Thị H và 01 con (sinh năm 1988); tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 15/12/2005 bị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xử phạt 03 năm tù về tội “Lưu hành tiền giả” tại bản án số 125/2005/HSST; bị bắt giữ ngày: 06/6/2017; bị tạm giữ ngày: 06/6/2017; bị tạm giam ngày: 13/6/2017.

(Các bị cáo có mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lục Văn M:*

Ông Đỗ Văn L - Sinh năm: 1968.

Thường trú: đường S, phường H, Quận A, TP.HCM (có mặt).

(Là cha của bị cáo Lục Văn M).

- *Người bào chữa cho bị cáo Lục Văn M:*

Ông Nguyễn Văn H1 –Luật sư, cộng tác viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/Nguyễn Thị Tuyết N – Sinh năm: 1982 (vắng mặt).

Thường trú: đường Đ, Phường S, Quận C, TP.HCM..

2/Nguyễn Thành C – Sinh năm: 1967 (vắng mặt).

Thường trú: đường C, Phường A, Quận Y, TP.HCM.

3/Trần Huỳnh H – Sinh năm: 1953(vắng mặt).

Thường trú: đường Q, Phường E, Quận I, TP.HCM

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 21 giờ 00 ngày 05/6/2017, Đội 6 - PC45 Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết hợp với Công an Quận 10 tiến hành kiểm tra hành chính, phát hiện và bắt quả tang tại 05 phòng của khách sạn “Gia Hân 2” – địa chỉ: 141 đường Đào Duy Từ, Phường 5, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh có hành vi mua bán dâm, cụ thể như sau:

- Phòng 00, tầng trệt: Gái bán dâm là Trần Thị Bích T và khách mua dâm là Nguyễn Văn B; vật chứng thu giữ: 01 bao cao su đã qua sử dụng.

- Phòng 06: Gái bán dâm là Nguyễn Thị H và khách mua dâm là Nguyễn M; vật chứng thu giữ: 01 bao cao su đã qua sử dụng.

- Phòng 08: Gái bán dâm là Trương Thị Đoan A và khách mua dâm là Nguyễn Văn B1; vật chứng thu giữ: 01 bao cao su đã qua sử dụng.

- Phòng 106: Gái bán dâm là Lưu Thị Ngọc L và khách mua dâm là Ô A Đ; vật chứng thu giữ: 01 bao cao su đã qua sử dụng.

- Phòng 108: Gái bán dâm là Nguyễn Thị Tường N và khách mua dâm là Huỳnh Thanh T; vật chứng thu giữ: 01 bao cao su đã qua sử dụng.

- Tiếp tân khách sạn vào thời điểm bắt quả tang là Lục Văn M.

Quá trình điều tra xác định như sau:

Đối với: Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị H, Nguyễn M và Nguyễn Văn B:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 05/6/2017, Nguyễn M chở Nguyễn Văn B bằng xe mô tô đến đường Đào Duy Từ, Quận 10 để tìm gái mua dâm thì gặp Nguyễn Văn H chở Hạnh đang đi tìm khách. H hỏi Nguyễn M có mua dâm không? M và B đều trả lời có; lúc này, Trần Thị Bích Tn (là gái bán dâm) điều khiển xe mô tô biển số 59U1- 904.89 chạy đến chỗ Nguyễn M, B, H và Nguyễn Thị H đang đứng. Sau đó, H giới thiệu và báo giá cho Nguyễn M mua dâm Nguyễn Thị H là 500.000 đồng/lần, còn T tự thỏa thuận với B mua dâm T là 400.000 đồng/lần, tiền khách sạn thì khách mua dâm trả, Nguyễn M và B đồng ý. Sau đó, H chở Nguyễn Thị H, T tự chạy xe một mình cùng với B và M đến khách sạn “Gia Hân 2” – địa chỉ: 141 đường Đào Duy Từ, Phường 5, Quận 10 gặp Lục Văn M (tiếp tân khách sạn) để thuê phòng. Lúc này, mặc dù biết khách đến mua dâm và gái bán dâm đến thuê phòng, nhưng Lục Văn M đồng ý cho thuê và bố trí phòng 00, tầng trệt cho B và T; phòng 06 cho Nguyễn M và Nguyễn Thị H mua bán dâm. Khi B và T, Nguyễn M và Nguyễn Thị H đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị bắt như trên. Còn H sau khi chở Nguyễn Thị H đến khách sạn “Gia Hân 2” thì đứng ngoài khách sạn đợi. Căn cứ vào lời khai của Nguyễn Văn B (sinh năm 1959), Nguyễn M, Trần Thị Bích T, Nguyễn Thị H, Công an Thành phố Hồ Chí Minh mời Nguyễn Văn H về Công an Phường 5, Quận 10 làm việc, Nguyễn Văn H khai nhận hành vi như trên và thu giữ từ H: 410.000 đồng (tiền bán dâm mà Nguyễn Thị H đưa, trong đó có 100.000 đồng là tiền công môi giới của H), 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo, 01 chiếc xe mô tô biển số 59K1-460.84.

Đối với: Trần Thế A, Huỳnh Thanh T, Nguyễn Thị Tường N:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 05/6/2017, Trần Thế A chở N trên đường Đào Duy Từ, Quận 10 để tìm khách mua dâm thì gặp Huỳnh Thanh T. Thế A hỏi T có mua dâm không? T trả lời có. Sau đó, Thế A báo giá cho T mua dâm N là 400.000 đồng/lần, tiền phòng khách trả, T đồng ý. Sau đó, Thế A chở N, cùng với T chạy đến khách sạn “Gia Hân 2”, số 141 Đào Duy Từ, Phường 5, Quận 10 gặp Lục Văn M (là tiếp tân khách sạn) thuê phòng, Lục Văn M biết N là gái bán dâm và khách đến mua dâm, nhưng vẫn đồng ý và bố trí phòng 108, cho T và N

mua bán dâm với nhau. Khi T và N đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị bắt như trên. Còn Thế A sau khi chở N đến khách sạn “Gia Hân 2” thì đứng ngoài đợi. Căn cứ vào lời khai của Huỳnh Thanh T, Nguyễn Thị Tường N, Công an Thành phố Hồ Chí Minh mời Trần Thế A về Công an Phường 5, Quận 10 làm việc, Trần Thế A khai nhận hành vi như trên và thu giữ từ A: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, 01 chiếc xe mô tô hiệu Airblade biển số 51L7-6284.

Đối với Nguyễn Văn B1 mua dâm Trương Thị Đoan A (tại phòng 08); Ô A Đ mua dâm Lưu Thị Ngọc L (tại phòng 106) thì các bên tự thỏa thuận mua bán dâm với nhau. Sau đó, B1, Đoan A, Đ, L đến khách sạn “Gia Hân 2”, tại số 141 Đào Duy Từ, Phường 5, Quận 10 gặp Lục Văn M (tiếp tân khách sạn), Lục Văn M biết đây là gái bán dâm và khách mua dâm, nhưng vẫn đồng ý và bố trí thuê phòng để họ mua bán dâm với nhau.

Ngoài ra, quá trình điều tra M còn khai nhận: Nguyễn Thị Đức H (là chủ khách sạn “Gia Hân 2”) thuê làm tiếp tân từ tháng 3/2017. M làm việc theo ca từ 19 giờ đến 7 giờ sáng hôm sau và được trả lương 4.500.000 đồng/tháng. H có nói với M là cho gái bán dâm thuê phòng để bán dâm nhằm tăng doanh thu cho khách sạn. M thực hiện theo sự chỉ đạo của H. M biết Nguyễn Thị H, N, T, L và Đoan A là gái bán dâm ở ngoài đường Đào Duy Từ, biết việc các gái bán dâm và khách mua dâm đến thuê phòng để mua bán dâm nhưng vẫn đồng ý cho thuê. Ngày 05/6/2017, M cho Nguyễn Thị H, N, T, L và Đoan A thuê 05 phòng để bán dâm cho khách. M đã thu tiền phòng là 50.000 đồng/phòng, tổng cộng là 250.000 đồng, M đã cho tiền vào quỹ tiếp tân. Riêng đối với những ngày trước, M không còn nhớ thu được bao nhiêu.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã quyết định khởi tố điều tra đối với: Lục Văn M về hành vi “Chứa mại dâm”; Nguyễn Văn H, Trần Thế A về hành vi “Môi giới mại dâm”.

Riêng đối với Nguyễn Thị Đức H (chủ khách sạn) khai nhận: Khi khách sạn bị kiểm tra thì H không có ở khách sạn. H không biết việc M có hành vi “Chứa mại dâm” và cũng không chỉ đạo M cho gái bán dâm thuê phòng. Ngoài lời khai của Lục Văn M, không còn chứng cứ nào khác xác định Hiền có hành vi “Chứa mại dâm” nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 không xử lý.

Đối với khách mua dâm Nguyễn Văn B, Nguyễn M, Nguyễn Văn B1, Ô A Đ, Huỳnh Thanh T và gái bán dâm Trần Thị Bích T, Nguyễn Thị H, Trương Thị Đoan A, Lưu Thị Ngọc L, Nguyễn Thị Tường N, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã xử phạt hành chính theo luật định và giao trả lại các tài sản đã thu giữ từ các đương sự.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra, các gái bán dâm còn khai nhận như sau: Nguyễn Thị Tường N khai nhận đã được Trần Thế A chở và bắt khách để Nhi đi bán dâm được 01 lần trong ngày 05/6/2017 (ngoài lần bị bắt quả tang); Nguyễn Thị H khai nhận đã được Nguyễn Văn H chở và bắt khách để Nguyễn Thị H đi bán dâm được 01 lần trong ngày 05/6/2017 (ngoài lần bị bắt quả tang). Về phía Trần Thế A, Nguyễn Văn H đều không thừa nhận mà chỉ xác nhận mới chỉ môi giới lần lượt cho N, Nguyễn Thị H đi bán dâm một lần vào ngày

05/6/2017 và bị bắt quả tang; qua xác minh N và Nguyễn Thị H đều đã đi khỏi nơi cư trú, nên không liên hệ mời làm việc, đấu tranh làm rõ. Do vậy kiến nghị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 tiếp tục truy xét, khi nào phát hiện, làm rõ và củng cố chứng cứ xử lý H, A về những lần môi giới mại dâm này.

Đối với 01 chiếc xe mô tô hiệu Airblade biển số 51L7-6284, qua xác minh người đứng tên giấy đăng ký xe là ông Nguyễn Thành C, sau đó ông C bán lại cho một người (không rõ lai lịch); về phía Trần Thế A khai thuê chiếc xe từ bà Trần Huỳnh H, theo bà H khai mua chiếc xe từ ông Nguyễn Thành C nhưng không làm giấy tờ mua bán, giấy đăng ký cũng đã làm mất, sau đó cho Trần Thế A thuê lại, việc Trần Thế A sử dụng làm phương tiện môi giới mại dâm, bà H không biết, Công an Quận 10 đã tạm giữ lại.

Đối với 01 chiếc xe mô tô biển số 59K1-460.84, qua xác minh chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị Tuyết N (cháu của bị cáo H) cho H mượn sử dụng đi lại, việc H sử dụng làm phương tiện môi giới mại dâm, bà N không biết, Công an Quận 10 đã giao trả lại cho bà Nhung chiếc xe trên.

Tại bản cáo trạng số 104/CT.VKS ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 10 Thành Phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

Lục Văn M về tội: “Chứa mại dâm” theo điểm c khoản 2 Điều 254 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Nguyễn Văn H, Trần Thế A về tội: “Môi giới mại dâm” theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo Lục Văn M, Nguyễn Văn H, Trần Thế A đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, sau khi nêu lên những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm (bị cáo Hà) và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo Hà có hoàn cảnh gia đình có khăn, bị cáo Lục Văn M là người khuyết tật nặng); đã đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 254, khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s, p khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) tương ứng đối với từng bị cáo, xử phạt:

Bị cáo Lục Văn M: từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù, miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo M.

Bị cáo Nguyễn Văn H: từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H.

Bị cáo Trần Thế A: từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo A.

Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

- Ý kiến của người bào chữa:

Thông nhất với nội dung lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 về tội danh và khung hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 254 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Lục Văn M. Về tình tiết giảm nhẹ: ngoài các tình tiết giảm nhẹ (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là người khuyết tật nặng); từ đó đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 254 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s, p khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Lục Văn M mức án khoan hồng và nhẹ nhất có thể.

- Ý kiến của bị cáo: chỉ xin giảm nhẹ hình phạt và không có ý kiến gì bổ sung cho lời bào chữa của Luật sư.

- Ý kiến của người đại diện hợp pháp: xin giảm nhẹ hình cho bị cáo Lục Văn M.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên

bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà các bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình; qua lời khai nhận tội của các bị cáo, đối chiếu với nội dung biên bản bắt người phạm pháp quả tang, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, gái bán dâm, khách mua dâm, vật chứng thu giữ được, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định:

Bị cáo Lục Văn M phạm tội “Chứa mại dâm”.

Các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Thế A phạm tội “Môi giới mại dâm”.

Đối với bị cáo Lục Văn M: là tiếp tân khách sạn, biết các gái mại dâm và khách mua dâm thuê phòng để thực hiện hành vi mua bán dâm, nhưng vẫn đồng ý cho thuê phòng khách sạn để họ mua bán dâm ngay tại khách sạn thuộc quyền quản lý trong ca trực của mình như đã nêu trên và thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần (05 cặp vào thuê phòng tại những thời điểm khác nhau); nên bị cáo bị truy tố về tội “Chứa mại dâm” theo điểm c khoản 2 Điều 254 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); mặc dù hành vi của bị cáo thực hiện trước 00 giờ 00 ngày 01/01/2018, nhưng theo quy định tại khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Chứa mại dâm” có khung hình phạt nhẹ hơn; do vậy căn cứ vào khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Hội đồng xét xử xét xử bị cáo Lục Văn M về tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), nhằm đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo.

Đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Thế A: đã có hành vi làm trung gian, dẫn dắt người mại dâm và người mua dâm quan hệ tình dục với nhau và đủ cơ sở kết luận các bị cáo thực hiện việc môi giới mại dâm một lần, nên bị cáo bị truy tố về tội “Môi giới mại dâm” theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); mặc dù hành vi của các bị cáo thực hiện trước 00 giờ 00 ngày 01/01/2018, nhưng theo quy định tại khoản 1 Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Môi giới mại dâm” có khung hình phạt nhẹ hơn; do vậy căn cứ vào khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Hội đồng xét xử xét xử các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Thế A về tội “Môi giới mại dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), nhằm đảm bảo nguyên tắc có lợi cho các bị cáo.

[4] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đồng thời vi phạm nghiêm trọng chỉ thị 814/TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc “Bài trừ các loại tệ nạn xã hội nghiêm trọng”, trong đó có tệ nạn về mại dâm. Mại dâm là mối hiểm họa cho gia đình và xã hội, làm băng hoại nhân cách và suy đồi đạo đức, trong khi chính quyền các cấp cùng nhân dân đang ra sức đấu tranh thực hiện chương trình 03 giảm : “Giảm ma túy, giảm mại dâm, giảm tội phạm”, thì các bị cáo lại đi ngược lại mục tiêu trên; do vậy dù có chiều cố đến đâu đi nữa, pháp luật cũng cần biểu hiện thái độ nghiêm khắc, cần phải đưa ra xét xử trước pháp luật; các bị cáo Lục Văn M, Nguyễn Văn H phạm tội thuộc trường cấm cho hưởng án treo và bị cáo Trần Thế A có nhân thân không tốt, cụ thể: ngày 15/12/2005 bị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xử phạt 03 năm tù về tội “Lưu hành tiền giả” (đã được xóa án tích); nên cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: đối với bị cáo Nguyễn Văn H có nhân thân xấu, cụ thể: ngày 05/3/2013 bị Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, ngày 17/4/2013 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”; bị cáo đã bị kết án về các tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, nhưng chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội nghiêm trọng do cố ý, hành vi này là tái phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tuy nhiên xét thấy các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo Hà có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo M là người khuyết tật nặng (dị tật bẩm sinh, ngắn 02 chi trên, biến dạng cẳng tay, thiếu 01 ngón hai bàn tay, trật khớp cổ tay, không có nửa dưới xương quay phải, mất chức năng làm việc 02 tay, bệnh tim bẩm sinh, suy tim độ III; tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể vĩnh viễn 87%); do vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) tương ứng đối với từng bị cáo, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo; đồng thời áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) quyết định mức hình phạt đối với bị cáo Lục Văn M dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với trường hợp của bị cáo Lục Văn M; đồng thời miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo M, H (do hoàn cảnh bản thân và gia đình), A (đã được xóa án tích).

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Đối với: 05 bao cao su; không đáng giá trị; vậy áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu và tiêu hủy.

Đối với: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia màu vàng, 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F1 màu hồng, là phương tiện phạm tội; vậy áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với: 01 chiếc xe mô tô biển số 51L7- 6284 (loại xe: Hai bánh, nhãn hiệu: HONDA, số loại:/, màu sơn: Đen, dung tích xi lanh: 108, số khung: RLHJF18097Y520092, số máy: JF18E-5020172), qua xác minh người đứng tên giấy đăng ký xe là ông Nguyễn Thành C, sau đó ông Chương bán lại cho một người (không rõ lai lịch); về phía Trần Thế A khai thuê chiếc xe từ bà Trần Huỳnh H, theo bà Hoa khai mua chiếc xe từ ông Nguyễn Thành C nhưng không làm giấy tờ mua bán, giấy đăng ký cũng đã làm mất, sau đó cho Trần Thế A thuê lại, việc Trần Thế A sử dụng làm phương tiện môi giới mại dâm, bà Hoa không biết; nên hiện chưa xác định chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, trong khi chiếc xe trên lại là phương tiện dùng vào việc phạm tội; do vậy giao cho Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thông báo trong thời hạn nhất định, nếu không có chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp liên hệ nhận, thì đề nghị căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 228 Bộ luật Dân sự năm 2015, tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Về khoản tiền thu lợi bất chính: đối với bị cáo Hà môi giới và đã thu lợi được 100.000 đồng (đã bị tạm giữ); vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Riêng đối với 310.000 đồng còn lại, tiền bán dâm của Nguyễn Thị Hạnh; do vậy chuyển giao cho Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử lý theo thẩm quyền hành chính đối với hành vi “Bán dâm” của bà Nguyễn Thị Hạnh.

Về án phí sơ thẩm: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

Bị cáo Lục Văn M phạm tội “Chứa mại dâm”.

Các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Thế A phạm tội “Môi giới mại dâm”.

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s, p khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lục Văn M;

Xử phạt bị cáo Lục Văn M 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung bị cáo M.

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 328; khoản 1 Điều 53; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Văn H;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/6/2017.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung bị cáo H.

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 328; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Thế A;

Xử phạt bị cáo Trần Thế A 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/6/2017.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung bị cáo A.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu và tiêu hủy: 05 bao cao su (đã qua sử dụng).

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia màu vàng, 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F1 màu hồng.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 100.000 (một trăm ngàn) đồng.

- Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) và Điều 228 Bộ luật Dân sự năm 2015; giao Chi cục thi hành dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục thông báo với thời hạn 12 tháng đối với 01 chiếc xe mô tô biển số 51L7- 6284 (loại xe: Hai bánh, nhãn hiệu: HONDA, số loại:/, màu sơn: Đen, dung tích xi lanh: 108, số khung: RLHJF18097Y520092, số máy: JF18E-5020172), để chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp (nếu có) đến nhận, trong thời hạn trên kể từ ngày Chi cục thi hành dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành đăng báo mà không có chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp liên hệ nhận thì tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

- Chuyển giao lại Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 310.000 (ba trăm mười ngàn) đồng để xử lý theo thẩm quyền hành chính đối với hành vi “Bán dâm” của bà Nguyễn Thị Hạnh.

(Tình trạng vật chứng và tài sản theo Lệnh nhập kho vật chứng số 110/LNKVC-TTXH ngày 13/6/2017 của Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc:

- Bị cáo M chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.
- Bị cáo H chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.
- Bị cáo A chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp, người bào chữa có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với bị cáo, người đại diện hợp pháp, người bào chữa có mặt tại phiên tòa tính từ ngày tuyên án; đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Công an Q.10, PC.53;
- Chi cục THADS Q.10;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Triệu Luật